

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA20QTNH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TTN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/5/23Phòng thi: D.71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	119020001	Võ Thị Phương Anh	21/03/2002	Nữ	10,0	5,0	7,5	006	<u>Out</u>		
2	119020003	Huỳnh Bảo Bảo	11/11/2002	Nam	10,0	5,0	7,5	007	<u>Bau</u>		
3	119020009	Trương Hoàng Luân	01/07/2002	Nam	8,1	4,5	6,3	008	<u>Thy</u>		
4	119020010	Cao Thị Quế Minh	24/10/2001	Nữ	9,8	3,3	6,6	009	<u>Quem</u>		
5	119020012	Lê Thị Uyển Nhi	06/08/2002	Nữ	9,5	2,8	6,2	010	<u>Nhi</u>		
6	119020014	Trần Tấn Phát	09/01/2002	Nam	9,5	3,0	6,3	011	<u>Phat</u>		
7	119020015	Nguyễn Thị Diễm Thơ	12/06/2002	Nữ	9,9	5,0	7,5	012	<u>Thơ</u>		
8	119020016	Nguyễn Ngọc Minh Thư	27/02/2002	Nữ	9,3	3,0	6,2	013	<u>Thư</u>		
9	119020024	Chung Thị Ngọc Tuyền	24/12/2002	Nữ	6,6	4,5	5,6	014	<u>Tuyen</u>		
10	119020025	Trần Văn Anh	09/01/2002	Nữ	10,0	5,0	7,5	015	<u>Anh</u>		
11	119020027	Mai Thị Thùy Mỹ	19/08/2002	Nữ	7,3	5,0	6,2	016	<u>My</u>		
12	119020029	Nguyễn Huyền Trang	19/01/2002	Nữ	8,7	3,3	6,0	017	<u>Trang</u>		
13	119020050	Phạm Mỹ Hiền	25/03/2002	Nữ	10,0	4,3	7,2	018	<u>Hiền</u>		
14	119020054	Trần Nguyễn Mỹ Huyền	26/11/2002	Nữ	8,6	2,3	5,5	019	<u>Huyen</u>		
15	119020086	Dương Thị Thanh Thùy	02/10/2002	Nữ	9,7	4,0	6,9	020	<u>Thuy</u>		
16	119020100	Nguyễn Huỳnh Khánh Vân	17/10/2002	Nữ	10,0	5,8	7,9	021	<u>Van</u>		
17	119020101	Nguyễn Anh Tuấn	15/09/2002	Nam	9,1	3,8	6,5	022	<u>Tuan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17Tổng số tờ: 17Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng Đây

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 19 tháng 5 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Mộng ĐâyCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

18/5
D71.107

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA20QTKS

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18...../05...../2023Phòng thi: D71.107.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118920004	Nguyễn Hồng Duyên	21/06/2002	Nữ	6,8	1,5	4,2	001	Duyen		
2	118920009	Nguyễn Lý Thiên Kim	12/11/2001	Nữ	7,3	4,0	5,7	002	Kim		
3	118920017	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/12/2001	Nữ	7,3	3,3	5,3	003	gan		
4	118920019	Vũ Thị Hồng Ngọc	19/11/2001	Nữ	7,3	3,8	5,6	004	Ngoc		
5	118920023	Nguyễn Thị Nhựt	27/06/2002	Nữ	9,1	3,0	6,1	005	Nhut		
6	118920025	Trần Xuân Quyền	07/12/2001	Nữ	7,3	2,0	4,7	006	Quy		
7	118920028	Phạm Thị Ngọc Sơn	16/11/2002	Nữ	9,9	4,5	7,2	007	Son		
8	118920033	Phạm Chí Thiện	27/07/2002	Nam	7,9	4,3	6,1	008	Thien		
9	118920034	Trần Thị Anh Thư	13/04/2002	Nữ	8,3	5,0	6,7	009	Anh		
10	118920037	Nguyễn Thị Mỹ Trâm	01/04/2002	Nữ	7,2	4,8	6,0	010	Tram		
11	118920038	Đặng Lê Ngọc Trúc	13/06/2002	Nữ	6,6	5,5	6,1	011	Truc		
12	118920039	Đặng Nguyễn Tấn Việt	25/10/2002	Nam	6,6	3,0	4,8	012	Tan		
13	118920040	Nguyễn Lê Lan Vy	04/11/2000	Nữ	9,9	5,8	7,9	013	Vy		
14	118920043	Lê Như Ý	21/02/2002	Nữ	10,0	5,0	7,5	014	My		
15	118920047	Lê Thị Bảo Khanh	10/04/2002	Nữ	—	—	—	—	—		Vắng
16	118920048	Đặng Hữu Lộc	27/06/2002	Nam	8,6	3,8	6,2	016	Loc		
17	118920051	Trang Phương Nhi	15/12/2002	Nữ	9,5	3,5	6,5	017	Nhi		
18	118920055	Võ Thị Như Ý	04/03/2002	Nữ	9,8	2,8	6,3	018	Y		
19	118920083	Kim Thị Hạnh	14/02/2002	Nữ	8,7	4,0	6,4	019	Hanh		
20	118920085	Thanh Thị Vân Khánh	31/01/2001	Nữ	7,2	4,0	5,6	020	Khanh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19...Tổng số tờ: 19.....Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 19 tháng 5 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Son Son LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA19CK

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....5...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.106.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111819003	Nguyễn Thanh Hiền	24/07/2001	Nam	8,4	3,3	5,9	001	Thư		
2	111819007	Nguyễn Tuấn Kha	06/02/2001	Nam	10,0	5,5	7,8	002	Kha		
3	111819010	Bùi Hoài Lâm	19/02/2001	Nam	10,0	4,0	7,0	003	Lâm		
4	111819011	Nguyễn Minh Lộc	28/12/2001	Nam	9,7	4,0	6,9	004	Lộc		
5	111819012	Thạch Vũ Luân	10/11/1999	Nam	9,1	3,0	6,1	005	Thạch		
6	111819013	Thái Lý Vĩnh Nghi	30/10/2001	Nam	7,3	3,8	5,6	006	Nghi		
7	111819018	Đào Hoàng Thái	24/10/2001	Nam	9,2	2,5	5,9	007	Đào		
8	111819020	Đặng Quốc Thịnh	13/02/2001	Nam	9,2	3,8	6,5	008	Thịnh		
9	111819025	Nguyễn Hoàng Tuấn	13/02/2001	Nam	8,9	3,3	6,1	009	Tuấn		
10	111819028	Trịnh Hữu Lộc	02/04/2001	Nam	7,3	2,5	4,9	010	Lộc		
11	111819029	Chau Long An	30/05/2001	Nam	8,2	3,0	5,6	011	An		
12	111819030	Lâm Thái Nhân	10/05/2001	Nam	9,5	3,3	6,4	012	Nhân		
13	111819031	Nguyễn Minh Khôi	27/07/2001	Nam	10,0	3,0	6,5	013	Khôi		
14	111819033	Trần Hữu Nhân	06/09/2001	Nam	9,6	4,3	7,0	014	Nhân		
15	111819035	Chau Sô Thía	08/11/2001	Nam	6,8	4,5	5,7	015	Thía		
16	111819036	Nguyễn Đức Duy	27/09/2001	Nam	6,7	4,0	5,4	016	Duy		
17	111819037	Nguyễn Văn Nhựt	04/09/2001	Nam	10,0	3,3	6,7	017	Nhựt		
18	111819040	Huỳnh Quốc Bảo	06/05/2001	Nam	8,5	3,5	6,0	018	Bảo		
19	111819054	Rôm Văn Niên	16/10/2000	Nam							NL
20	111819068	Nguyễn Thanh Khiết	30/08/2001	Nam	6,7	3,0	4,9	020	Khiết		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....19 20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:.....19.....

Cán bộ coi thi 1:.....K+ Nguyễn Thanh Thanh.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày19..... tháng5..... năm2023.....

Cán bộ ghi điểm:.....Sơn Sơn La.....

Cán bộ kiểm tra:.....Nguyễn Thị Linh.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA18CNOT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/5/23

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111818128	Trần Văn Vạn Thuận	17/11/2000	Nam	6,8	2,5	4,7	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Luuk Ng T. Lanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Quoc Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Luuk

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA18PHCN

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TĐ

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/05/23

Phòng thi: D71-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117318057	Trịnh Trọng Bằng	29/02/2000	Nam	9,1	4,3	6,7	002	<u>[Chữ ký]</u>		
2	117318074	Nguyễn Tấn Thành	09/07/2000	Nam	8,2	4,5	6,4	003	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký]

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]
Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA19NNAB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
18/5/23

Phòng thi: ĐT1-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	110419080	Trần Thị Ngọc Quý	08/03/2001	Nữ	10,0	5,0	7,5	004	<u>Đầy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Đặng T. Lành

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đặng T. Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đặng T. Lành

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (47_4 -)/DA19TCNH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 5 / 23Phòng thi: ĐTK-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114519006	Viên Anh Duy	25/01/2001	Nam	<u>6,7</u>	<u>40</u>	<u>5,4</u>	<u>005</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01Tổng số tờ: 01Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký] Nguyễn Thị LànhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 19 tháng 5 năm 2023Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký] Trần Văn Khoa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]Nguyễn Thị Lành